

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2019/HS-ST

Ngày: 18/7/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Sỹ Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Nam.

Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2019/HSST ngày 11/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HS ngày 04/7/2019 đối với các bị cáo:

1. Ngô Anh T (tên gọi khác Tít), sinh năm 1990 tại Ninh Bình (có mặt).

HKTT: Phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: Ấp 5, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Không.

Họ và tên cha: Ngô Văn T, sinh năm 1960.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1961.

Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

2. Lưu Minh T, sinh năm 1989 tại Hà Nội (có mặt).

HKTT: Phố N, phường L, quận H, Tp. Hà Nội.

Nơi cư trú: Ấp 5, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Không.

Họ và tên cha: Lưu Minh T, sinh năm 1965 (đã chết).

Họ và tên mẹ: Dương Thị V, sinh năm 1966.

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/7/2008 bị Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính 1.000.000đ về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

3. **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1998 tại Hà Nội (có mặt).

HKTT: Tổ 6, phường L, quận H, Tp. Hà Nội.

Nơi cư trú: Ấp 5, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Không.

Họ và tên cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 (đã chết).

Họ và tên mẹ: Kiều Thị T, sinh năm 1958.

Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

4. **Mai Văn L**, sinh năm 1993 tại Thanh Hóa (có mặt).

HKTT: Xóm 3, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Ấp 5, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Không.

Họ và tên cha: Mai Văn T, sinh năm 1954.

Họ và tên mẹ: Mai Thị D, sinh năm 1963.

Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (38 người vắng mặt):

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 23, Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3. Chị Đoàn Hoài P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Hàn Thị Bích L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Đ, xã C, huyện L, Đồng Nai.

5. Bà Đào Thị P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Vũ Thị Kim H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Đ, xã C, huyện L, Đồng Nai.

7. Bà Hoàng Thị Thanh T, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã C, huyện L, Đồng Nai.
8. Chị Lý Sếnh D, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Tổ 6, ấp C, xã C, huyện L, Đồng Nai
9. Chị Trần Thị Minh T A, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
10. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
11. Anh Dương Văn B, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
12. Anh Lê Quốc D, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
13. Chị Lê Thị T, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Tổ 2, ấp S, xã C, huyện L, Đồng Nai.
14. Chị Đào Thị N, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
15. Bà Lương Thị Ngọc P, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Ấp 2, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
16. Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Tổ 13, Khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
17. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Tổ 14, Ấp P, xã L, huyện L, Đồng Nai.
18. Ông Đông Hoàng H, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Tổ 8, Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
19. Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 1, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
20. Bà Phan Thị Thúy N, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Tổ 4, Ấp 6, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
21. Bà Hoàng Thị Mỹ D, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
22. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
23. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Tổ 3, Ấp S, xã C, huyện L, Đồng Nai.
24. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
25. Bà Võ Thị H, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 1, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
26. Bà Võ Thị T, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 1, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
27. Ông Ưng Thế C, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Tổ 7, Ấp L, xã P, huyện L, Đồng Nai.
28. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
29. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
30. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
31. Chị Trương Thị Mỹ D, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Khu K, thị trấn L, huyện L, Đồng Nai.
32. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
33. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Tổ 14, Ấp P, xã L, huyện L, Đồng Nai.
34. Chị Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
35. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1950.
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
36. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
37. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
38. Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 10 giờ 15 phút ngày 18/02/2019, Công an huyện Long Thành phối hợp Công an xã T tuần tra tại khu vực từ ấp 3 đến ấp 6, xã T phát hiện đối tượng Lưu Minh T và Mai Văn L đang có hành vi phát tờ rơi quảng cáo cho vay tiền trả góp nên yêu cầu Thành T và L về trụ sở Công an xã T làm việc. Tại đây, Thành T và L khai nhận được Ngô Anh T thuê phụ giúp T trong việc cho vay tiền trả góp. Qua đó, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi T thuê ở tại ấp 5, xã H, huyện N tạm giữ tiền và vật chứng liên quan gồm: 01 két sắt bên trong có 97.380.000 đồng, một bộ máy tính để bàn, 01 máy photocopy, 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 60C2-171.05, 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 74G1-051.64, 01 danh sách người vay tiền của T. Ngoài ra T giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM mang tên Ngô Anh T và số tiền 11.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Ngô Anh T bắt đầu cho vay tiền trả góp từ năm 2016 đến nay. Địa bàn cho vay của T ở các huyện N, L, B, C và TN tỉnh Đồng Nai. T thuê Lưu Minh T, Mai Văn L và Nguyễn Thành T phụ giúp T trong việc cho vay tiền trả góp. T trả lương cho Minh T, L và Thành T mỗi người 6.000.000 đồng/01 tháng. Nhiệm vụ của Minh T, L và Thành T đi phát tờ rơi cho vay tiền,

giao tiền và thu tiền nợ trả góp hàng ngày của người vay. Hình thức cho vay là: người có nhu cầu vay tiền sẽ gọi điện thoại liên lạc với T, Minh T qua số điện thoại in trên tờ rơi quảng cáo để thỏa thuận việc vay tiền. T, Minh T, L và Thành T mang theo hợp đồng đã được T chuẩn bị sẵn nội dung và trực tiếp đến gặp người vay để ký hợp đồng và giao tiền. Người vay phải cung cấp chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản gốc hoặc bản phô tô tùy theo từng trường hợp). Tiền đưa cho người vay là của T, đồng thời T là người quyết định việc cho vay và quy định lãi suất cho vay theo từng trường hợp cụ thể, tương ứng mức lãi suất từ 14% đến 49%/tháng.

Cơ quan điều tra đã trích xuất dữ liệu trên máy vi tính thu giữ của T phát hiện danh sách những người vay tiền của T trên địa bàn các huyện N, L, B, C và TN, tỉnh Đồng Nai. Quá trình rà soát thông tin người vay trên địa bàn huyện Long Thành, Cơ quan điều tra đã làm việc với 38 người có vay tiền của T. Cụ thể như sau:

- Lê Thị L: Từ tháng 9/2018 đến tháng 10/2018 vay 02 lần, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi trả mỗi lần là 6.250.000, trong đó tiền lãi 1.250.000 đồng (tương đương 30%/tháng). Tổng tiền lãi trả cho T 02 lần là: 2.500.000 đồng.

- Nguyễn Thị Tuyết H vay 02 lần đã trả xong: Lần 01 ngày 01/9/2018 vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 3.750.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 750.000 đồng (tương đương 30%/tháng); Lần 02 ngày 01/10/2018 vay số tiền 1.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 1.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 250.000 đồng (tương đương 30%/tháng);

- Đoàn Hoài P: Tháng 11/2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.250.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Hàn Thị Bích L: Từ tháng 8/2018 đến tháng 9/2018 vay 02 lần, mỗi lần vay số tiền 2.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần là 2.500.000 đồng. Tổng tiền lãi đã trả cho T 02 lần vay là 1000.000 đồng (tương đương 30%/tháng);

- Đào Thị P: Ngày 19/12/2018 vay số tiền vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 31 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.200.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.200.000 đồng (tương đương 23%/tháng).

- Vũ Thị Kim H từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018 vay 09 lần (trong đó có 08 lần mỗi lần 3.000.000 đồng và 01 lần 2.000.000 đồng) đã trả xong. Cụ thể: Đối với lần vay 3.000.000 đồng, thời hạn vay là 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 3.750.000 đồng. Tiền lãi đã trả cho T mỗi lần vay là 750.000 đồng (tương đương 30%/tháng). Như vậy, 08 lần vay bà H đã trả cho T tổng cộng số tiền lãi là 6.000.000 đồng; Đối với lần vay số tiền 2.000.000 đồng, thời hạn 25

ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 2.500.000 đồng. Tiền lãi đã trả cho T là 500.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Hoàng Thị Thanh T: Từ tháng 2/2018 đến tháng 12/2018 vay 04 lần đã trả xong (trong đó 02 lần vay mỗi lần 5.000.000 đồng và 02 lần vay mỗi lần 10.000.000 đồng). Cụ thể: Tháng 02 và tháng 03/2018, vay 02 lần, mỗi lần số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần là 6.250.000 đồng. Tổng tiền lãi 02 lần vay đã trả cho T là 2.500.000 đồng. (tương đương 30%/tháng). Tháng 8/2018, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 12.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 2.500.000 đồng (tương đương 30%/tháng). Tháng 12/2018: vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 23.000.000 đồng (do trả chậm hằng ngày nên phạt cộng dồn), trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 13.000.000 đồng (tương đương 120%/tháng);

- Lý Sênh D: Từ tháng 7/2017 đến tháng 01/2019 vay 10 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, thời hạn vay là 25 ngày/lần, mỗi lần đã trả xong cho T tổng số tiền gốc và lãi là 3.750.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 750.000 đồng (tương đương 30%/tháng). Như vậy, 20 lần vay bà D đã trả cho T tổng cộng số tiền lãi là 15.000.000 đồng.

- Trần Thị Minh A: Tháng 8/2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.250.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Nguyễn Thị T: Từ tháng 11/2018 đến tháng 12/2018 vay 02 lần, mỗi lần vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn 23 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần là 3.450.000 đồng. Tổng tiền lãi đã trả cho T 02 lần vay là 900.000 đồng (tương đương 19,5 %/tháng);

- Dương Văn B vay 02 lần đã trả xong: Lần 01 tháng 8/2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.250.000 đồng (tương đương 30%/tháng). Lần 02 tháng 9/2018 vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 5.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.000.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Lê Quốc D: Từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018 vay 03 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, thời hạn vay là 25 ngày/lần, mỗi lần trả cho T tổng số tiền gốc và lãi 3.750.000 đồng. Tổng tiền lãi 03 lần đã trả cho T là 2.250.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Lê Thị T: Từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2018 vay 09 lần (trong đó có 03 lần vay 4.000.000 đồng/1 lần, 03 lần vay 3.000.000 đồng/1 lần và 03 lần vay 2.000.000 đồng/1 lần, cụ thể: Các lần vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 5.000.000 đồng. Tổng tiền lãi 03 lần vay đã trả cho T là 3.000.000 đồng (tương đương 30%/tháng). Các lần vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần

vay là 3.750.000 đồng. Tổng tiền lãi 03 lần vay đã trả cho T là 2.250.000 đồng (tương đương 30%/tháng); Các lần vay số tiền 2.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 2.500.000 đồng. Tổng tiền lãi 03 lần vay đã trả cho T là 1.500.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Đào Thị N: Tháng 5/2017 vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.250.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Lương Thị Ngọc P: Từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2018 vay 05 lần đã trả xong (trong đó có 04 lần vay 10.000.000 đồng và 01 lần vay 5.000.000 đồng. Cụ thể: Các lần vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 42 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 12.600.000 đồng. Tổng tiền lãi 04 lần vay đã trả cho T là 10.400.000 đồng (tương đương 19%/tháng); Lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 42 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.300.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.300.000 đồng (tương đương 19%/tháng).

- Nguyễn Chí H: Từ tháng 8/2017 đến tháng 12/2018 vay 12 lần, mỗi lần vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 42 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 12.600.000 đồng. Tổng tiền lãi 12 lần vay đã trả cho T 31.200.000 đồng (tương đương 19%/tháng).

- Nguyễn Thị Thanh T vay 02 lần đã trả xong. Cụ thể: Lần 01 tháng 10/2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.000.000 đồng (tương đương 20%/tháng). Lần 02 tháng 11/2018 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 32 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 12.800.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 2.800.000 đồng (tương đương 26%/tháng);

- Đông Hoàng H: Tháng 12/2018 vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 83.100.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 13.100.000 đồng (tương đương 15%/tháng).

- Nguyễn Văn U vay 02 lần đã trả xong: Lần 01 tháng 4/2018 vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn 28 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 4.200.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.200.000 đồng (tương đương 43%/tháng). Lần 02 tháng 12/2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 32 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.400.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.400.000 đồng (tương đương 26%/tháng).

- Phan Thị Thúy N: Từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018 vay 03 lần, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 6.250.000 đồng. Tổng tiền lãi 03 lần vay đã trả cho T là 3.750.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Hoàng Thị Mỹ D: Tháng 5/2017 vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 3.750.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 750.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Nguyễn Thị Thu H: Từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2019 vay 06 lần, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 6.250.000 đồng. Tổng tiền lãi 06 lần đã trả cho T là 7.500.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Nguyễn Thị T: Từ tháng 11/2018 đến tháng 12/2018 vay 02 lần, mỗi lần số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 3.750.000 đồng. Tổng tiền lãi 02 lần vay đã trả cho T là 1.500.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Nguyễn Thị L: Từ tháng 02/2018 đến tháng 9/2018 vay 08 lần (trong đó có 05 lần vay 5.000.000 đồng, 01 lần vay 4.000.000 đồng, 01 lần vay 3.000.000 đồng và 01 lần vay 2.000.000 đồng, cụ thể: Các lần vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 26 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 6.500.000 đồng. Tổng tiền lãi 05 lần vay đã trả cho T là 7.500.000 đồng (tương đương 35%/tháng). Lần vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 26 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 5.200.000 đồng, trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.200.000 đồng (tương đương 35%/tháng). Lần vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 26 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 3.900.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả cho T là 900.000 đồng (tương đương 35%/tháng). Lần vay số tiền 2.000.000 đồng, thời hạn vay 26 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 2.600.000 đồng, trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 600.000 đồng (tương đương 35%/tháng).

- Võ Thị H: Từ tháng 11/2018 đến 12/2018 vay 03 lần, mỗi lần vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 12.500.000 đồng. Tổng tiền lãi 03 lần vay đã trả cho T là 7.500.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Võ Thị T: Từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018 vay 03 lần (trong đó có 02 lần vay 2.000.000 đồng, 01 lần vay 3.000.000 đồng). Cụ thể: Các lần vay với số tiền 2.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 2.500.000 đồng. Tổng tiền lãi 02 lần vay đã trả cho T là 1.000.000 đồng (tương đương 30%/tháng); Lần vay với số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 3.750.000 đồng, trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 750.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Ưng Thế C: Từ tháng 10/2018 đến tháng 11/2018 vay 03 lần (trong đó có 02 lần vay 4.000.000 đồng, 01 lần vay 2.000.000 đồng). Cụ thể: Các lần vay với số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 5.000.000 đồng. Tổng tiền lãi 02 lần vay đã trả cho T là 2.000.000 đồng (tương đương 30%/tháng). Lần vay với số tiền 2.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 2.500.000 đồng. Tiền lãi đã trả cho T là 500.000 đồng (tương đương 30%/tháng).

- Hồ Thị H: Từ 12/2017 đến tháng 12/2018 vay 07 lần (trong đó có 06 lần vay 10.000.000 đồng và 01 lần vay 5.000.000 đồng). Cụ thể: Các lần vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 22 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là

11.000.000 đồng. Tổng tiền lãi 06 lần vay đã trả cho T là 6.000.000 đồng (tương đương 14%/tháng). Lần vay với số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 22 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 5.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 500.000 đồng (tương đương 14%/tháng);

- Nguyễn Thị N: Tháng 01/2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời hạn 32 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.400.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.400.000 đồng (tương đương 26%/tháng).

- Nguyễn Thị N: Từ tháng 7/2017 đến tháng 11/2017 vay 04 lần (trong đó 03 lần 5.000.000 đồng và 01 lần 8.000.000 đồng). Cụ thể: Các lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 42 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần vay là 6.300.000 đồng. Tổng tiền lãi 03 lần vay đã trả cho T là 3.900.000 đồng (tương đương 19%/tháng). Lần vay số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn 41 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 10.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 2.250.000 đồng (tương đương 21%/tháng);

- Trương Thị Mỹ D: Tháng 5/2017 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời hạn 25, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.250.000 đồng (tương đương 30%/tháng);

- Nguyễn Thị K: Tháng 11/2017 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 25 vay ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 12.500.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 2.500.000 đồng (tương đương 30%/tháng);

- Nguyễn Thị L: Từ tháng 4/2017 đến tháng 6/2017 vay 02 lần. Cụ thể: Lần 01 tháng 4/2017 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 32 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 12.800.000 đồng, trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 2.800.000 đồng (tương đương 26%/tháng); Lần 02 tháng 6/2017 vay số tiền 20.000.000 đồng, trong thời hạn 32 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 25.600.000 đồng, trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 5.600.000 đồng (tương đương 26%/tháng);

- Lê Thị Tuyết M: Tháng 2/2017 vay số tiền 7.000.000 đồng, trong thời hạn 42 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 11.760.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 4.760.000 đồng (tương đương 49%/tháng);

- Phạm Thị C: Tháng 4/2017 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.600.000 đồng. Tiền lãi đã trả cho T là 1.600.000 đồng (tương đương 32%/tháng);

- Nguyễn Văn Đ: Từ tháng 7/2018 đến tháng 8/2018 vay 03 lần đã trả xong (trong đó 02 lần 10.000.000 đồng và 01 lần 5.000.000 đồng). Cụ thể: Các lần vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 24 ngày/lần, số tiền gốc và lãi đã trả mỗi lần là 12.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi trong 02 lần vay đã trả cho T là 4.000.000 đồng. (tương đương 25%/tháng). Lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 24 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.000.000 đồng (tương đương 25%/tháng);

- Huỳnh Thị C: Tháng 5/2017 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 6.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 1.000.000 đồng (tương đương 20%/tháng);

- Huỳnh Ngọc H: Tháng 6/2017 vay số tiền 3.000.000 đồng, trong thời hạn 38 ngày, số tiền gốc và lãi đã trả là 3.800.000 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả cho T là 800.000 đồng (tương đương 21%/tháng);

Như vậy, trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2019 có tổng số 38 người vay tiền của T, Minh T, Thành T và L. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiến hành xác minh được như nêu trên xác định 38 người đã vay tổng cộng 787.200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi đã trả là 985.510.000 đồng, trong đó tổng số tiền lãi là 198.310.000 đồng.

Về vật chứng, tài sản tạm giữ:

- Tạm giữ của Ngô Anh T: 01 kết sắt hiệu Bauchete; số tiền 108.380.000 đồng; 01 bộ máy tính để bàn (gồm 01 CPU hiệu Dell, 01 màn hình hiệu HP 2011, 01 bàn phím hiệu Genius, 01 chuột máy tính); 01 máy photocopy hiệu Ricoh MP C2551; 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 60C2-171.05; 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 74G1-051.64; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM mang tên Ngô Anh T và 01 danh sách những người vay tiền của T (ghi trên giấy A4).

- Tạm giữ của Lưu Minh T: 01 xe mô tô hiệu Wave 60C2-627.10; 01 điện thoại Iphone 6; 01 điện thoại Nokia; 20 tờ rơi có in chữ “Cho vay tiền trả góp; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Lưu Minh T.

Tạm giữ của Mai Văn L: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note.

Tại bản Cáo trạng số 87/CT-VKSLT ngày 07/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Ngô Anh T, Lưu Minh T, Nguyễn Thành T và Mai Văn L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt các bị cáo: Ngô Anh T từ 14 đến 16 tháng tù giam, Lưu Minh T từ 10 đến 12 tháng tù giam, Nguyễn Thành T từ 10 đến 12 tháng tù giam và Mai Văn L từ 08 đến 10 tháng tù giam về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 kết sắt hiệu Bauchete; 01 bộ máy tính để bàn (gồm 01 CPU hiệu Dell, 01 màn hình hiệu HP 2011, 01 bàn phím hiệu Genius, 01 chuột máy tính); 01 máy photocopy hiệu Ricoh MP C2551; 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 60C2-171.05; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5; 01 điện thoại Iphone 6; 01 điện thoại Nokia là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng liên quan vào việc phạm tội. Buộc bị cáo Ngô Anh T phải nộp lại số tiền lãi thu lợi bất chính là 198.310.000đ. Đối với

số tiền 108.380.000 đồng là tiền của bị cáo sử dụng vào mục đích cho vay đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án cho khoản tiền bị cáo T phải nộp.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 74G1-051.64 do chị Nguyễn Thị Ngọc H và 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 60C2-627.10 do Nguyễn Quốc D đứng tên chủ sở hữu. Xe mô tô trên do T mua lại để Minh T, Thành T và L sử dụng làm phương tiện phạm tội. Hiện chị H và D không có mặt tại địa phương, chưa làm việc được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Riêng 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Lưu Minh T; 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ ATM mang tên Ngô Anh T; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note của L, xét không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho Minh T, T và L. Đối với danh sách 20 tờ rơi có in chữ “Cho vay tiền trả góp” đã đưa vào hồ sơ vụ án lưu trữ.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có một số người khác vay tiền của T nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể, một số người không có mặt tại địa phương không làm việc được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau và còn có một số đối tượng khác phụ giúp T trong việc cho vay lãi nặng trả góp nhưng các đối tượng này đã nghỉ việc trước khi bị phát hiện, chưa xác minh, làm việc được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với những người vay tiền của T, Minh T, Thành T và L tại các địa bàn thuộc huyện N, C, T và thành phố B, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã có văn bản thông báo đến Cơ quan điều tra các địa bàn trên để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Ngô Anh T, Lưu Minh T, Nguyễn Thành T và Mai Văn L khai nhận: Từ năm 2017, Ngô Anh T thuê Lưu Minh T, Mai Văn L và Nguyễn Thành T để giúp T trong việc cho vay lãi nặng bằng hình thức cho vay tiền trả góp trên địa bàn huyện Long Thành. T là người cung cấp tiền, quyết định việc cho vay và quy định lãi suất cho vay theo từng trường hợp cụ thể, tương ứng mức lãi suất từ 14% đến 49%/tháng vượt mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Minh T, Thành T và L có nhiệm vụ đi phát tờ rơi cho vay tiền, giao dịch, giao tiền và thu tiền nợ trả góp hàng ngày của người vay. Quá trình điều tra, xác minh tại địa bàn huyện L xác định được 38 người vay tiền của Ngô Anh T, Lưu Minh T, Nguyễn Thành T và Mai Văn L với tổng số tiền vay là 787.200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi đã trả là 985.510.000 đồng. Ngô Anh T thu lợi bất chính tổng số tiền là 198.310.000 đồng.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Ngô Anh T, Lưu Minh T, Nguyễn Thành T và Mai Văn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cho vay tiền với lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định để thu lợi bất chính. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì lợi nhuận nên đã bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

Xét vai trò, hành vi, tính chất phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

- Bị cáo Ngô Anh T là người trực tiếp dùng tiền của mình để cho vay lãi nặng và đặt mức lãi suất để bắt người vay tiền phải trả vượt quá mức cho phép của pháp luật. Bị cáo đã thuê Lưu Minh T, Nguyễn Thành T, Mai Văn L giúp sức bằng cách đi phát tờ rơi, thực hiện các giao dịch, thu tiền trả góp... và trực tiếp thu lợi bất chính số tiền 198.310.000đ. Do đó cần phải có hình phạt thật nghiêm tương xứng với, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

- Các bị cáo Lưu Minh T, Nguyễn Thành T, Mai Văn L là đồng phạm với Ngô Anh T, là những người tích cực giúp T thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, các bị cáo là những người trực tiếp đi phát tờ rơi,

thu tiền trả góp của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để đem về cho Ngô Anh T. Tuy nhiên, vai trò của các bị cáo trong vụ án này chỉ là người làm công giúp việc cho bị cáo T để nhận lương hàng tháng, không trực tiếp hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có một số người khác vay tiền của Ngô Anh T nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể, một số người không có mặt tại địa phương nên không làm việc được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau. Đối với một số đối tượng khác phụ giúp Ngô Anh T trong việc cho vay lãi nặng trả góp nhưng các đối tượng này đã nghỉ việc trước khi bị phát hiện, chưa xác minh, làm việc được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với những người vay tiền của T, Minh T, Thành T và L tại các địa bàn thuộc huyện N, C, TN và thành phố B, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã có văn bản thông báo đến Cơ quan điều tra các địa bàn trên để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 két sắt hiệu Bauchete; 01 bộ máy tính để bàn (gồm 01 CPU hiệu Dell, 01 màn hình hiệu HP 2011, 01 bàn phím hiệu Genius, 01 chuột máy tính); 01 máy photocopy hiệu Ricoh MP C2551; 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 60C2-171.05; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5; 01 điện thoại Iphone 6; 01 điện thoại Nokia theo Quyết định chuyển vật chứng số 50/QĐ-VKS ngày 07/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Buộc bị cáo Ngô Anh T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 198.310.000đ. Đối với số tiền 108.380.000đ là tiền bị cáo sử dụng vào việc cho vay, không phải là tiền thu lợi bất chính. Tuy nhiên do bị cáo đã sử dụng hết số tiền lãi thu lợi bất chính nên cần thiết tiếp tục tạm giữ số tiền 108.380.000 đồng theo biên lai thu tiền số 006775 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành để đảm bảo thi hành án cho khoản tiền bị cáo Ngô Anh T phải nộp.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 74G1-051.64 do chị Nguyễn Thị Ngọc H và 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 60C2-627.10 do Nguyễn Quốc D đứng tên chủ sở hữu. Xe mô tô trên do T mua lại để Minh T, Thành T và L sử dụng làm phương tiện phạm tội. Hiện chị H và D không có mặt tại địa phương, chưa làm việc được, Cơ

quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Riêng 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Lưu Minh T; 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ ATM mang tên Ngô Anh T; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note của L, xét không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho Minh T, T và L. Đối với danh sách 20 tờ rơi có in chữ “Cho vay tiền trả góp” đã đưa vào hồ sơ vụ án lưu trữ.

[6] Về án phí: Các bị cáo Ngô Anh T, Lưu Minh T, Nguyễn Thành T và Mai Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Anh T, Lưu Minh T, Nguyễn Thành T và Mai Văn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Ngô Anh T **06 (sáu)** tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù được tính từ ngày 18/02/2019.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lưu Minh T **05 (năm)** tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù được tính từ ngày 18/02/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T **05 (năm)** tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù được tính từ ngày 18/02/2019.

Xử phạt bị cáo Mai Văn L **05 (năm)** tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù được tính từ ngày 18/02/2019.

- Áp dụng khoản 5 điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, trả tự do cho các bị cáo Lưu Minh T, Nguyễn Thành T và Mai Văn L ngay sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm nếu các bị cáo không bị bắt tạm giam về một tội phạm nào khác.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 kết sắt hiệu Bauchete; 01 bộ máy tính để bàn (gồm 01 CPU hiệu Dell, 01 màn hình hiệu HP 2011, 01 bàn phím hiệu Genius, 01 chuột máy tính); 01 máy photocopy hiệu Ricoh MP C2551; 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 60C2-171.05; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5; 01 điện thoại Iphone 6; 01 điện thoại Nokia theo Quyết định chuyển vật chứng số 50/QĐ-VKS ngày 07/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Buộc bị cáo Ngô Anh T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 198.310.000đ. Tiếp tục tạm giữ số tiền 108.380.000 đồng theo biên lai thu tiền số 006775 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành để đảm bảo thi hành án cho khoản tiền bị cáo Ngô Anh T phải nộp.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Ngô Anh T, Lưu Minh T, Nguyễn Thành T, Mai Văn L phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Ngô Anh T, Lưu Minh T, Nguyễn Thành T, Mai Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND, CA - H.Long Thành.
- Chi cục THA.DS H.Long Thành.
- UBND TT. N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- UBND phường L, quận H, Tp. Hà Nội.
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
- Các bị cáo; Người có QLVN liên quan.
- Lưu: Hồ sơ, VP, BP, TP(H).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Sỹ Tuân